

Số: **24/2022/QĐST-HNGĐ**

Liên Chiểu, ngày 28 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông Lê Hoàng A – Sinh năm 1989; Trú tại: Tổ 38, phường Hòa Khánh B, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Phạm Thị Quỳnh Gi – Sinh năm 1993; Trú tại: Tổ 38, phường Hòa Khánh B, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoàng A và bà Phạm Thị Quỳnh Gi kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh B, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, Ông A và bà Gi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng Ông A và bà Gi đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không ai có trách nhiệm gì với nhau. Do đó, Ông A và bà Gi đề nghị Tòa án giải quyết cho được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, Ông A và bà Gi đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp

dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của Anh và bà Giang.

[2] Về con chung: Ông Lê Hoàng A và bà Phạm Thị Quỳnh Gi xác định có 02 con chung tên Lê Hoàng Phương – Sinh ngày 02.9.2012 và Lê Thị Hoàng Ngọc – Sinh ngày 31.5.2014. Ông A và bà Gi thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Bà Giang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và ông Anh cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.000.000 đồng (mỗi con 500.000đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng kể từ tháng 5.2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét sự thỏa thuận của các đương sự đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Hoàng A và bà Phạm Thị Quỳnh Gi xác nhận không có.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Hoàng A và bà Phạm Thị Quỳnh Gi xác nhận không có.

[5] Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Lê Hoàng A và bà Phạm Thị Quỳnh Gi chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Lê Hoàng A và bà Phạm Thị Quỳnh Gi thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 67/2012 ngày 09 tháng 4 năm 2012 của Ủy ban nhân dân phường Hòa Khánh B, quận Liên C, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý.

1.2 *Về quan hệ con chung:* Ông Lê Hoàng A và bà Phạm Thị Quỳnh Gi xác định có 02 con chung tên Lê Hoàng Phương – Sinh ngày 02.9.2012 và Lê Thị Hoàng Ngọc – Sinh ngày 31.5.2014. Ông A và bà Gi thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Bà Giang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung và ông Anh cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 1.000.000 đồng (mỗi con 500.000đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng kể từ tháng 5.2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Quỳnh Gi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Hoàng A không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như đã thỏa thuận nêu trên thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

1.3 *Về tài sản chung*: Ông Lê Hoàng A và bà Phạm Thị Quỳnh Gi các nhận không có.

1.4 *Về nợ chung*: Ông Lê Hoàng A và bà Phạm Thị Quỳnh Gi xác nhận không có.

2. Về lệ phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Lê Hoàng A và bà Phạm Thị Quỳnh Gi phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000901 ngày 18.4.2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu. Ông A và bà Gi đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND. quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Khánh B, quận Liên C , thành phố Đà Nẵng;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hồng Thủy

